TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-ST
Ngày 26-6-2025
"V/v *tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng TP với ông Q, bà C*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Sâm;

2. Ông Đặng Ngọc Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2025/TLST–DS ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXX -DS ngày 22 tháng 5 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại cổ phần T

Địa chỉ trụ sở: Toà nhà T, số X, quận H, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người được uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Quang Đ, ông Trần Trung K, ông Bùi Sỹ Q, ông Nguyễn Công T.

Đều là chuyên viên xử lý nợ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng Q sinh ngày 05/5/1965

Bà Nguyễn Thị C sinh năm 1973

Cùng nơi cư trú: Thôn , xã T, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt ông T; vắng mặt ông Q, bà C – không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ông Nguyễn Công T - đại diện nguyên đơn trình bày*:**

Ông Nguyễn Hồng Q và bà Nguyễn Thị C là vợ chồng ký hợp đồng tín dụng có vay vốn tại Ngân hàng TMCP T chi nhánh B, dạng đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số HĐ 225/2024/HDTD/TTKDBL.HN.THD ngày 12/7/2024, thể hiện:

- Số tiền vay: 1.070.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm bẩy mươi triệu đồng*);

- Mục đích vay: Mua xe ô tô

- Thời hạn vay: 72 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân (từ ngày 13/7/2024 đến ngày 12/7/2030)

- Ngày giải ngân 12/7/2024, qua tài khoản của ông Đinh Công T (tài khoản do ông Q cung cấp)

- Lãi suất cho vay: 9%/năm, áp dụng cho 12 tháng để từ ngày giải ngân, sau đó có điều chỉnh biên độ 3 tháng/lần

- Phương thức trả nợ: Gốc trả đều hàng tháng trả 14.861.111 đồng/tháng, lãi vay trả hàng tháng theo dư nợ thực tế, ngày trả nợ là ngày 26 hàng tháng.

- Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: 01 xe ô tô con, 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu MERCED -BENZ GLC300, số khung RLM0G8EB9LV011012, số máy 26492030278940, biển kiểm soát: 17A-161.XX, đăng ký chủ sở hữu ông Nguyễn Hồng Q. Giao dịch bảo đảm này được TP Bank đăng ký bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hà Nội ngày 12/7/2024.

- Quá trình thực hiện hợp đồng: Ông Q bà C bắt đầu trả gốc và lãi cho T từ ngày 26/7/2024. Từ ngày 26/9/2024 ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không trả cho T thêm bất kỳ khoản nào nữa theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký kết nên toàn bộ khoản vay của ông Q, bà C chuyển sang lãi nợ quá hạn. Ông Q, bà C đã trả được số tiền gốc 39.722.238 đồng và trả được số tiền lãi 17.702.302 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi đã trả là 57.424.540 đồng.

Kể từ khi vi phạm hợp đồng T đã nhiều lần liên hệ với ông Q, bà C để thu hồi nợ nhưng ông Q, bà C không có thiện chí hợp tác gây khó khăn cho T

Nay T khởi kiện buộc ông Q, bà C phải trả cho T khoản tiền vay còn lại chưa trả tính đến ngày 26/6/2025, tiền gốc 1.030.277.762 đồng, lãi trong hạn 67.062.217 đồng, lãi quá hạn 8.838.788 đồng. Tổng cộng 1.106.178.767 đồng (*Một tỷ không trăm linh sáu triệu một trăm bẩy mươi tám nghìn bẩy trăm sáu mươi bẩy đồng*).

Buộc ông Nguyễn Hồng Q, bà Nguyễn Thị C thanh toán các khoản phát sinh trên số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng

cho vay từ ngày 27/6/2025 cho đến khi thực tế thanh toán hết các nghĩa vụ cho TP Bank.

Trường hợp kể từ ngày bản án có hiệu lực mà ông Q, bà C không thanh toán toàn bộ khoản nợ thì T có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô con, 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu MERCED -BENZ GLC300, số khung RLM0G8EB9LV011012, số máy 26492030278940, biển kiểm soát: 17A-161.XX, đăng ký chủ sở hữu ông Nguyễn Hồng Q.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Q, bà C đối với T. Nếu số tiền thu được không đủ để thanh toán nợ thì ông Q, bà C còn phải tiếp tục thanh toán hết khoản nợ cho T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2025 bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà và ông Nguyễn Hồng Q là vợ chồng. Ngày 12/7/2024, vợ chồng bà có đến Ngân hàng T ký kết hợp đồng tín dụng vay số tiền 1.070.000.000 đồng. lãi suất 9%năm, áp dụng trong 12 tháng. Vợ chồng bà đã trả được cho T số tiền là 57.424.540 đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 01 xe ô tô con, 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu MERCED -BENZ GLC300, biển kiểm soát: 17A-161.XX, đăng ký mang tên ông Nguyễn Hồng Q, hiện gia đình bà đang quản lý xe ô tô này. Gần đây xe có xảy ra va chạm thì vợ chồng bà liên hệ với bảo hiểm để bồi thường thì được biết chiếc xe đang thế chấp không có bảo hiểm nhưng trước đó nhân viên ngân hàng có bảo vợ chồng bà mua bảo hiểm và thẻ tín dụng số đẹp nhưng chưa được giải quyết. Nay T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả nợ bà nhất trí nhận trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Hồng Q vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kết quả xác minh với cơ sở thôn Thượng, xã An Thanh huyện Quỳnh Phụ thấy: Ông Nguyễn Hồng Q và bà Nguyễn Thị C là vợ chồng, hiện cư trú tại: Thôn , xã T, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Cơ sở thôn không biết ông Q, bà C có vay tiền của TP Bank cũng như việc thế chấp xe, hiện ông Q, bà C vẫn đang quản lý, sử dụng 01 xe ô tô con, nhãn hiệu MERCED -BENZ GLC300, biển kiểm soát 17A-161.XX.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên Viện kiểm sát không nhận xét xề việc chấp hành pháp luật của bị đơn.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117 Điều 293, Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 317,

Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 24 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị:

- Buộc ông Nguyễn Hồng Q, bà Nguyễn Thị C phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với T, tính đến ngày 26/6/2025, tổng cộng là 1.106.178.767 đồng. Tiếp tục tính lãi theo hợp đồng kể từ ngày 27/6/2025.

- Trường hợp ông Q không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì T có quyền đề nghị xử lý tài sản bảo đảm theo quy định.

- Trường hợp xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ thì ông Q còn phải thanh toán toàn bộ khoản nợ cho T.

- Về án phí dân sự: Trả lại cho T số tiền tạm ứng án phí đã nộp, ông Nguyễn Hồng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hồng Q, bà Nguyễn Thị C trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cấp tín dụng đã ký kết. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng; bị đơn ông Q, bà C có nơi cư trú tại Thôn , xã T, huyện Q nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn ông Q, bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án phải tiến hàng xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên toà.

[2] Xét tính hợp pháp hợp đồng dạng đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số HĐ 225/2024/HDTD/TTKDBL.HN.THD ngày 12/7/2024. Nội dung, được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 317 và Điều 463 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Các hợp đồng này là hợp pháp, ông Q, bà C phải có nghĩa vụ thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết.

[3] Xét yêu cầu trả nợ của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Hồng Q, bà Nguyễn Thị C số tiền vay: 1.070.000.000 đồng,

thời hạn vay 72 tháng, lãi suất cho vay: 9%/năm, áp dụng cho 12 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó có điều chỉnh biên độ 3 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn. Trả gốc và lãi vào ngày 26 hàng tháng, gốc trả dần hàng tháng, mỗi thàng trả 14.861.111 đồng/tháng, lãi trả trên dư nợ gốc, kỳ trả gốc lãi đầu tiền 26/7/2024, kỳ trả nợ cả gốc và lãi cuối cùng ngày 26/9/2024 nhưng ông Q, bà C không trả đủ tiền gốc và lãi nên khoản vay còn lại chưa trả bị chuyển sang lãi suất nợ quá hạn từ ngày 26/9/2924.

Kể từ ngày cuối cùng trả tiền gốc, lãi cho T đến nay, ông Q, bà C không thực hiện trả tiền cho T khoản tiền gốc lần nào nữa nên buộc ông Q, bà C phải trả số tiền còn lại cho T tính đến ngày 26/6/2025: tiền gốc 1.030.277.762 đồng, lãi trong hạn 67.062.217 đồng, lãi quá hạn 8.838.788 đồng, tổng cộng 1.106.178.767 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[4] Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay: Để đảm bảo cho các khoản vay trên bị đơn đã thế chấp cho T: là 01 xe ô tô con, 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu MERCED -BENZ GLC300, số khung RLM0G8EB9LV011012, số máy 26492030278940, biển kiểm soát: 17A-161.XX, đăng ký chủ sở hữu ông Nguyễn Hồng Q, có hợp đồng thế chấp và đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định, phù hợp với Điều 317, Điều 319 và Điều 298 Bộ luật Dân sự. Do bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho T nên T được quyền xử lý tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô do ông Q đang quản lý, sử dụng là phù hợp với Điều 293, Điều 299, Điều 320 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận.

[5] Về ý kiến của bà Nguyễn Thị C liên quan đến bảo hiểm dân sự của xe ô tô: Không liên quan đến việc thanh toán nợ cho Ngân hàng nên ông Q, bà C phải tự giải quyết.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của T được chấp nhận toàn bộ nên T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại T tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, mặc dù ông Nguyễn Hồng Q là người cao tuổi nhưng ông Q không có đơn xin miễn án phí nên ông Q vẫn phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là phù hợp với quy định tại Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố Tụng dân sự; các Điều 116, 117, 463, 466, 317, 319, 320, 323, 293, 298, 299 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng thương mại Cổ phần T đối với ông Nguyễn Hồng Q, bà Nguyễn Thị C về việc thực hiện: Hợp đồng dạng đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số HĐ 225/2024/HDTD/TTKDBL.HN.THD ngày 12/7/2024.

2.Buộc ông Nguyễn Hồng Q, bà Nguyễn Thị C phải trả cho Ngân hàng T tổng số tiền tính đến ngày 26/6/2025 tiền gốc 1.030.277.762 đồng, lãi trong hạn 67.062.217 đồng, lãi quá hạn 8.838.788 đồng. Tổng cộng 1.106.178.767 đồng (*Một tỷ không trăm linh sáu triệu một trăm bẩy mươi tám nghìn bẩy trăm sáu mươi bẩy đồng*).

3.Trường hợp ông Nguyễn Hồng Q, bà Nguyễn Thị C không trả nợ hoặc trả nợ không đủ số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô con, 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu MERCED -BENZ GLC300, số khung RLM0G8EB9LV011012, số máy 26492030278940, biển kiểm soát: 17A-161.XX, đăng ký chủ sở hữu ông Nguyễn Hồng Q. Hiện ông Q, bà C đang quản lý, sử dụng. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Q, bà C tiếp tục phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong.

4. ***Về án phí***:

Ông Nguyễn Hồng Q, bà Nguyễn Thị C phải chịu 45.185.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại Ngân hàng T số tiền 21.889.000 đồng (*Hai mươi mốt triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo biên lai thu số 0002409 ngày 06/3/2025.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân T có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn ông Nguyễn Hồng Q, bà Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên